

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc ban hành Quy định về tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 290-QĐ/TW ngày 25/02/2010 của Bộ Chính trị về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị;

Căn cứ Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 16/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường và đổi mới công tác dân vận trong cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền các cấp trong tình hình mới;

Căn cứ Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 09/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông và Kế hoạch số 411-KH/UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 46-QĐ/TU ngày 29/10/2009 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Đắk Nông về việc ban hành Quy chế công tác dân vận của hệ thống chính trị tỉnh Đắk Nông;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 184/TTr-SNV ngày 08 tháng 5 năm 2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh; các đơn vị thuộc ngành dọc của Trung ương đóng chân trên địa bàn tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã; các xã, phường, thị trấn và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ban Dân vận Tỉnh ủy;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, NC, KGVX(Hp).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH



Nguyễn Bôn

## **QUY ĐỊNH**

tiêu chí, thang điểm, phương pháp đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh Đắk Nông  
(Kèm theo Quyết định số 229 /QĐ-UBND ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Nông)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Đối tượng và phạm vi áp dụng**

Quy định về tiêu chí đánh giá, xếp loại kết quả thực hiện công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước (dân vận của chính quyền) được áp dụng cho tất cả các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh (kể cả các đơn vị thuộc ngành dọc của Trung ương quản lý đóng trên địa bàn tỉnh); Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã; các xã, phường, thị trấn trong tỉnh (sau đây gọi chung là các cơ quan, đơn vị, địa phương).

#### **Điều 2. Mục đích đánh giá**

Mục đích của việc đánh giá, xếp loại, nhằm xem xét toàn diện các hoạt động quản lý nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh,... tại các cơ quan, đơn vị và địa phương theo quy định.

Thông qua việc đánh giá, xếp loại để phát huy những ưu điểm, khắc phục những hạn chế, yếu kém. Đồng thời, tạo động lực thi đua để nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Kết quả đánh giá, xếp loại thực hiện công tác dân vận chính quyền làm cơ sở để xem xét, đánh giá thi đua của các cơ quan, đơn vị, địa phương và người đứng đầu tổ chức đảng, đoàn thể của các cơ quan, đơn vị, địa phương đó.

#### **Điều 3. Nguyên tắc đánh giá**

Tổng điểm tối đa là: 100. Số lượng tiêu chí là 9. Tiêu chí số 10 là điểm thưởng cho các cơ quan, đơn vị, địa phương có cách làm hay, sáng tạo và người đứng đầu của các các cơ quan, đơn vị, địa phương năm đó được đánh giá, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Kết quả chấm điểm cụ thể dựa vào mức độ hoàn thành khối lượng và hiệu quả công việc đạt được theo yêu cầu của từng nội dung tiêu chí. Quá trình chấm điểm, đánh giá phải bảo đảm thực chất, khách quan, dân chủ, công bằng và công khai.

Việc đánh giá, xếp loại được thực hiện một lần vào dịp cuối năm.



## Chương II

# NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN

### **Điều 4. Nội dung tiêu chí**

**Tiêu chí 1:** Các cơ quan hành chính nhà nước và UBND các cấp tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận chính quyền đến cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan và nhân dân địa phương tại Kế hoạch số 05-KH/TU ngày 09/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW". Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 02/4/2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về công tác dân vận tham gia trong quy hoạch, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tái định cư.

Xây dựng chương trình (kế hoạch) công tác dân vận hàng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo Kế hoạch số 411-KH/UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh về nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; phân công lãnh đạo và cán bộ các cơ quan, đơn vị, địa phương phụ trách công tác dân vận chính quyền theo quy định.

**Tiêu chí 2:** Xây dựng và thể chế hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ", cụ thể hóa kịp thời các chủ trương của Đảng, Nhà nước thành cơ chế, chính sách của cơ quan, đơn vị, địa phương không trái pháp luật và phù hợp với thực tiễn để đáp ứng quyền, lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách đó.

**Tiêu chí 3:** Tổ chức thực hiện các chương trình về phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương mang lại hiệu quả thiết thực. Không để xảy ra tham nhũng, lãng phí, tiêu cực.

Giải quyết các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng, người dân tộc thiểu số, người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội khác ở các địa phương trong tỉnh; kết quả giúp đỡ các xã đặc biệt khó khăn.

**Tiêu chí 4:** Tổ chức thực hiện công tác cải cách hành chính; công khai thủ tục hành chính tại các cơ quan, đơn vị, địa phương, bộ phận tiếp nhận và trả kết quả; công khai số điện thoại, đường dây nóng của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

Thường xuyên rà soát, đánh giá sự cần thiết, tính hợp pháp, hợp lý và hiệu quả của các thủ tục hành chính để cắt giảm tối đa các thủ tục không cần thiết. Cải tiến, hợp lý hóa quy trình giải quyết hồ sơ; thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính, bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định.



**Tiêu chí 5:** Mở rộng và nâng cao thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo Pháp lệnh số 34/2007/PLUBTVQH11 ngày 05 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Dân chủ trong hoạt động của các cơ quan hành chính Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại Nghị định số 04/2015/NĐ-CP ngày 09/01/2015 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức hàng năm; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức; thực hiện việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại thủ tục hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân; mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng. Ban hành các quy định riêng của cơ quan, đơn vị, địa phương về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan, địa phương, đơn vị nhằm tạo điều kiện để mọi người phát huy tốt hơn quyền dân chủ.

**Tiêu chí 6:** Duy trì chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ. Giải quyết kịp thời những kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân, bảo đảm quyền; lợi ích hợp pháp và chính đáng của nhân dân.

**Tiêu chí 7:** Thực hiện quy chế phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị. Người đứng đầu cơ quan tạo điều kiện để Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo quy định của Hiến pháp và pháp luật; Quyết định số 217-QĐ/TW ngày 12/12/2013 và Quyết định số 218-QĐ/TW ngày 12/12/2013 của Bộ Chính trị khóa XI.

**Tiêu chí 8:** Thực hiện tốt quy chế làm việc của cơ quan, đơn vị, địa phương và quy chế văn hóa công sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần phục vụ nhân dân, có trách nhiệm với dân.

**Tiêu chí 9:** Phát động và thực hiện các phong trào thi đua, phong trào “Dân vận khéo” phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và từng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, để vận động cán bộ, công chức, viên chức thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

Thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng và nhân rộng các điển hình “Dân vận khéo”, các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực công tác; phát hiện, bồi dưỡng kỹ năng vận động nhân dân cho những người có uy tín trong cơ quan, đơn vị, địa phương, tạo điều kiện cho họ tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.

### **Điều 5. Phương pháp đánh giá, chấm điểm**

Thực hiện công tác đánh giá, phân loại trên cơ sở dựa theo các tiêu chí đánh giá (theo bảng *Thang điểm chấm các tiêu chí kèm theo*). Mỗi tiêu chí quy



định một hoặc nhiều nội dung liên quan trực tiếp đến việc thực hiện công tác dân vận của các cơ quan nhà nước.

Tiêu chí nào đạt tất cả các nội dung thì chấm điểm tối đa, trường hợp không đạt thì tùy theo mức độ đạt được để chấm điểm.

### **Điều 6. Các mức đánh giá, xếp loại**

1. Căn cứ kết quả và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, địa phương được UBND tỉnh và UBND cấp huyện đánh giá, chấm điểm theo từng nội dung tiêu chí để xếp loại theo 4 mức hoàn thành nhiệm vụ công tác dân vận như sau:

- a) Hoàn thành tốt: Tổng điểm đạt: từ 85 đến 100 điểm;
- b) Hoàn thành khá: Tổng điểm đạt: từ 70 đến dưới 85 điểm;
- c) Hoàn thành: Tổng điểm đạt: từ 50 đến dưới 70 điểm;
- d) Không hoàn thành: Tổng điểm đạt: dưới 50 điểm.

2. Trường hợp hạ mức độ hoàn thành nhiệm vụ xuống một bậc

Cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở xuống (đối với cán bộ) và hạ bậc lương trở xuống (đối với công chức) thì hạ mức độ hoàn thành nhiệm vụ xuống một bậc so với mức độ phân loại theo tổng số điểm được chấm.

3. Các trường hợp xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ công tác dân vận

Cơ quan, đơn vị, địa phương để xảy ra tham nhũng hoặc có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật từ hình thức cách chức trở lên (đối với cán bộ) và trên hình thức hạ bậc lương (đối với công chức), bị xử lý hình sự (theo quyết định của Tòa án); mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng thì xếp loại không hoàn thành nhiệm vụ.

## **Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận**

1. Thẩm quyền

a) UBND tỉnh quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các Sở, Ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện.

b) UBND cấp huyện quyết định phân loại công tác dân vận chính quyền đối với các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

2. Trình tự, thời gian xét duyệt, phân loại đối với công tác dân vận

a) Đối với cấp huyện: Tháng 11 hàng năm, các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và gửi kết quả về phòng Nội vụ trước ngày 30/11

để tổng hợp. Phòng Nội vụ cấp huyện phối hợp với Ban Dân vận cùng cấp tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo UBND cấp huyện xem xét, quyết định trước 20/12 hàng năm.

b) Đối với cấp tỉnh: Tháng 12 hàng năm, các Sở, Ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh và UBND cấp huyện tiến hành tự chấm điểm công tác dân vận và gửi Sở Nội vụ trước ngày 31/12 để tổng hợp. Trong tháng 01 của năm liền kề, Sở Nội vụ phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy tiến hành rà soát kết quả chấm điểm, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

## **Điều 8. Trách nhiệm thực hiện**

### **1. Trách nhiệm tự đánh giá của các cơ quan, đơn vị**

Dựa trên các tiêu chí và phương pháp đánh giá phân loại dân vận chính quyền, vào tháng 11 hàng năm, các cơ quan, đơn vị, địa phương tự đánh giá, phân loại. Kết quả đánh giá, phân loại thể hiện đơn vị tốt hay chưa tốt trong công tác dân vận chính quyền; đây cũng là tiêu chí để bình xét thi đua, khen thưởng cuối năm của cơ quan, đơn vị, địa phương.

### **2. Trách nhiệm của Sở Nội vụ**

a) Triển khai quy định này đến các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

b) Phối hợp với Ban Dân vận Tỉnh ủy xây dựng kế hoạch kiểm tra việc thực hiện công tác dân vận chính quyền tại một số cơ quan, đơn vị, địa phương.

c) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các Sở, Ban, ngành, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND tỉnh và UBND cấp huyện trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

### **3. Trách nhiệm của UBND cấp huyện**

a) Hướng dẫn các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã thực hiện quy định này.

b) Rà soát, tổng hợp, báo cáo kết quả chấm điểm công tác dân vận của các phòng chuyên môn, các đơn vị sự nghiệp thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc, khó khăn đề nghị các đơn vị, địa phương phản ánh về UBND tỉnh (thông qua Sở Nội vụ) để được xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./



**THANG ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC DÂN VẬN  
CHÍNH QUYỀN CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 229 /QĐ-UBND ngày 17/5/2018 của UBND tỉnh Đắk Nông)

TT	NỘI DUNG CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC DÂN VẬN CHÍNH QUYỀN	ĐIỂM			Ghi chú
		Chuẩn	Cơ quan, đơn vị, địa phương tự chấm	Tổ kiểm tra, đánh giá chấm	
<b>1</b>	<b>Tiêu chí 1</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Tổ chức quán triệt, triển khai các văn bản của Đảng, Nhà nước về công tác dân vận chính quyền đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân trong cơ quan, địa phương, đơn vị theo kế hoạch số 05-KH/TU ngày 09/12/2015 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về "triển khai thực hiện Kết luận số 114-KL/TW" và kế hoạch số 411-KH/UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh về: thực hiện Kết luận số 114-KL/TW. Kế hoạch số 41-KH/TU ngày 02/4/2014 của Ban Thường vụ tỉnh ủy về: công tác dân vận tham gia trong quy hoạch, xây dựng và thực hiện các dự án đầu tư phát triển KT-XH, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, thu hồi đất, tái định cư và một số văn bản liên quan khác.	5			
Nội dung 2	Xây dựng chương trình (kế hoạch) công tác dân vận hàng năm của cơ quan, địa phương, đơn vị theo tinh thần kế hoạch số 05-KH/TU ngày 09/12/2015 của Ban Thường vụ tỉnh ủy Đắk Nông và kế hoạch số 411-KH/UBND ngày 21/9/2015 của UBND tỉnh về: nâng cao hiệu quả công tác dân vận của các cơ quan Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác dân vận chính quyền của cơ quan.	5			
<b>2</b>	<b>Tiêu chí 2</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Xây dựng và thể chế hóa cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ", cụ thể hóa kịp thời các chủ trương của Đảng, Nhà nước thành cơ chế, chính sách của địa phương phù hợp với thực tiễn và đáp ứng quyền, lợi ích, nguyện vọng chính đáng của nhân dân (tham mưu các văn bản liên quan quyền, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân)	5			

Nội dung 2	Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoặc đề xuất sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của địa phương liên quan đến quyền con người, quyền và nghĩa vụ của công dân phù hợp với Hiến pháp, pháp luật và tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách đó (tham mưu sửa đổi, bổ sung kịp thời các văn bản liên quan quyền, lợi ích, nguyện vọng của nhân dân).	5			
3	<b>Tiêu chí 3</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Tổ chức thực hiện tốt các chương trình về phát triển kinh tế - xã hội của cơ quan, đơn vị, địa phương mang lại hiệu quả thiết thực, không để xảy ra tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, được quần chúng nhân dân đồng tình ủng hộ, không bị các cơ quan cấp trên phê bình, nhắc nhở bằng văn bản	5			
Nội dung 2	Giải quyết kịp thời, đúng chế độ các chính sách an sinh xã hội, chính sách đối với người có công với cách mạng, người nghèo, người khuyết tật và các chính sách phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội ở các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh, không giải quyết chậm trễ, kéo dài gây mất niềm tin của nhân dân; có chương trình, hành động giúp các xã đặc biệt khó khăn...	5			
4	<b>Tiêu chí 4</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Tổ chức thực hiện tốt các nội dung của công tác cải cách hành chính trong đó tập trung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách thủ tục hành chính, công khai hóa thủ tục hành chính, rà soát cắt giảm tối đa các thủ tục hành chính không cần thiết (hàng năm có xây dựng kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan, địa phương, đơn vị mình).	5			
Nội dung 2	Thực hiện tốt việc công khai số điện thoại, đường dây nóng của cơ quan, địa phương, đơn vị; giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Bảo đảm việc giải quyết thủ tục hành chính đúng quy định, không chậm trễ, kéo dài; xây dựng và thực hiện tốt phong cách “trọng dân, gần dân, có trách nhiệm với dân”; “nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin” trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Có biện pháp xử lý kịp thời, nghiêm túc những hành vi nhũng nhiễu, gây phiền hà cho tổ chức, công dân, những cán bộ, công chức, viên chức yếu kém về năng lực, suy thoái về đạo đức, lối sống, không còn uy tín đối với nhân dân.	5			



<b>5</b>	<b>Tiêu chí 5</b>	<b>15</b>			
Nội dung 1	Thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở; hàng năm có tổ chức hội nghị cán bộ, công chức, viên chức; lắng nghe và giải quyết kịp thời các ý kiến, đề nghị chính đáng của cán bộ, công chức, viên chức;	5			
Nội dung 2	Ban hành các quy định riêng của cơ quan, địa phương, đơn vị về thực hiện quy chế dân chủ trong hoạt động cơ quan; ban hành: nội quy, quy chế hoạt động, quy chế chế chỉ tiêu nội bộ...; thành lập BCD hoặc phân công lãnh đạo và cán bộ phụ trách công tác thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở theo quy định.	5			
Nội dung 3	Thực hiện đầy đủ việc công khai các nội dung có liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân; niêm yết công khai các loại hồ sơ liên quan đến trách nhiệm, quyền lợi của tổ chức, công dân: mở rộng các hình thức dân chủ để nhân dân tham gia, góp ý xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.	5			
<b>6</b>	<b>Tiêu chí 6</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Thực hiện tốt công tác tiếp công dân, giải quyết đề nghị, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của công dân (các cơ quan, địa phương, đơn vị hàng năm xây dựng quy chế và lịch tiếp công dân theo quy định của Luật tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của Luật khiếu nại, Luật tố cáo); duy trì chế độ tiếp xúc, đối thoại trực tiếp với nhân dân và chế độ tiếp dân định kỳ.	5			
Nội dung 2	Giải quyết kịp thời, đúng quy trình, trình tự những kiến nghị, nguyện vọng chính đáng liên quan trực tiếp đến đời sống và sinh hoạt của nhân dân, bảo đảm quyền lợi chính đáng và hợp pháp của nhân dân, giải quyết dứt điểm, không kéo dài thời gian giải quyết, không để nhân dân tụ tập khiếu kiện đông người.	5			
<b>7</b>	<b>Tiêu chí 7</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Thực hiện tốt quy chế phối hợp với các tổ chức trong hệ thống chính trị về thực hiện công tác dân vận chính quyền.	5			

Nội dung 2	Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương thường xuyên quan tâm, tạo điều kiện để MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giám sát, phản biện xã hội, góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền theo quy định của Quyết định số 217-QĐ/TW và Quyết định số 218-QĐ/TW của Bộ Chính trị.	5			
<b>8</b>	<b>Tiêu chí 8</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Thực hiện tốt quy chế làm việc của cơ quan, địa phương, đơn vị và quy chế văn hóa công sở. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có tinh thần phục vụ nhân dân, có trách nhiệm với dân.	5			
Nội dung 2	Các cơ quan, địa phương, đơn vị không có công chức, viên chức, nhân viên vi phạm uống rượu, bia trong giờ hành chính, vi phạm an toàn giao thông.	5			
<b>9</b>	<b>Tiêu chí 9</b>	<b>10</b>			
Nội dung 1	Phát động và thực hiện tốt các phong trào thi đua, phong trào “Dân vận khéo” phù hợp với chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và từng vị trí việc làm của cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan, đơn vị, địa phương (hàng năm có ban hành kế hoạch hoặc chương trình phát động thi đua của cơ quan, địa phương, đơn vị).	5			
Nội dung 2	Thực hiện tốt công tác biểu dương, khen thưởng và nhân rộng kịp thời các điển hình “Dân vận khéo”, các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt trên mọi lĩnh vực công tác; phát hiện, bồi dưỡng kỹ năng vận động nhân dân cho những người có uy tín trong cơ quan, đơn vị, địa phương. Tạo điều kiện để họ tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước.	5			
<b>Tổng cộng</b>		<b>95</b>			

**Ghi chú:**

**1. Điểm thưởng:**

Các cơ quan, địa phương, đơn vị có cách làm hay, sáng tạo được cấp trên đánh giá, ghi nhận và đánh giá, xếp loại người đứng đầu năm đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; không bị cấp ủy, chính quyền các cấp và cơ quan ngành dọc cấp trên phê bình, nhắc nhở bằng văn bản thì được cộng vào tổng điểm tối đa 05 điểm.

**2. Điểm trừ:**

Tổng số có 09 tiêu chí gồm 19 nội dung, mỗi nội dung được tối đa 05 điểm.

**2.1. Trừ điểm ở từng nội dung:**

+ Nếu không triển khai các nhiệm vụ trong nội dung đó: trừ 5 điểm.



+ Nếu có triển khai nhưng chưa đầy đủ hoặc hiệu quả còn thấp: Mỗi lĩnh vực không triển khai hoặc có triển khai nhưng hiệu quả còn thấp: trừ 01 điểm (nhưng không quá 5 điểm trên mỗi nội dung).

2.2. Trừ điểm từ tổng điểm đã chấm:

\* Sau khi chấm xong, sẽ xem xét để trừ điểm trong tổng số điểm đã chấm:

+ Nếu người đứng đầu không hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ: Trừ 01 điểm.

+ Nếu bị cấp ủy, chính quyền các cấp và cơ quan ngành dọc cấp trên phê bình, nhắc nhở bằng văn bản nhưng chưa đến mức kỷ luật: Trừ 01 điểm.

+ Nếu cơ quan có người bị kỷ luật hình thức khiển trách: trừ 01 điểm; cảnh cáo: trừ 02 điểm.

Tổng điểm để đánh giá, phân loại:

Bao gồm tổng số điểm đã chấm cộng với điểm thưởng hoặc trừ đi điểm trừ (nếu có).

Tổng đạt được: ..... điểm.